| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 83/2026/QĐST-HNGĐ | *Ninh Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa:

**- Nguyên đơn:** chị Lê Thị Hồng T, sinh ngày 01/05/2005;

CC số: 0373050039xx cấp ngày 24/3/2025 của Bộ C;

ĐKHKTT: xóm I N, xã K, tỉnh Ninh Bình,

Hiện cư trú: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình

**- Bị đơn:** anh Phạm Đức D, sinh ngày 12/10/2004;

CCCD số: 0372040036xx cấp ngày 09/5/2021 của Cục C1 về TTXH, Bộ C

ĐKHKTT: xóm I N, xã K, tỉnh Ninh Bình

Hiện cư trú: xóm G N, xã K, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Đức D.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về con chung:* chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Đức D thỏa thuận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Lê Mai A, sinh ngày 24/3/2024. Khi ly hôn, chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Đức D thỏa thuận giao cho anh Phạm Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Lê Mai A đến khi đủ 18 tuổi

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Lê Thị Hồng T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

- *Về con riêng:* chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Đức D thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

*2.2. Về cấp dưỡng nuôi con:* chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Đức D thỏa thuận chị Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

*2.3. Về chia tài sản chung*: chị Lê Thị Hồng T và anh Phạm Đức D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

*2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:* chị Lê Thị Hồng T phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000433 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 –Ninh Bình;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trịnh Thị Hoài Thu**